TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2022
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Quốc Hiếu**.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Hồng.
2. Ông Huỳnh Chí Trình.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Trúc - Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.***

Ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp *"tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Trần Thị Thanh T – sinh năm: 1978 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp 8, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
Chỗ ở hiện nay: ấp 7, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Tuấn L – sinh năm: 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp 8, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tuấn L chung sống với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, do mai mối, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 03/02/2005.

Sau ngày cưới, chị và anh L sống chung với cha mẹ ruột của anh L tại ấp 8, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không lo kinh tế gia đình, nhiều lần gây nợ nần nên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường cự cãi nhau. Chị T có

khuyên nhưng anh L vẫn không thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T và anh L ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Thủy yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn L.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Trần Trúc L – sinh ngày: 28/11/2004 và Nguyễn Trần Tuấn L- sinh ngày 31/10/2015. Cháu Trúc L hiện đang sống cùng anh L, cháu Tuấn L hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Tuấn L và chị T đồng ý giao cháu Nguyễn Trần Trúc L cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Tuấn L:*

Anh Nguyễn Tuấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Tuấn L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Xét thấy, anh Nguyễn Tuấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Ngày 07 tháng 3 năm 2022, chị T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện chung sống với nhau do mai mối, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 03/02/2005 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị T trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không lo kinh tế gia đình, nhiều lần gây nợ nần nên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường cự cãi nhau. Chị T có khuyên nhưng anh L vẫn không thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị và anh L ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình. Thực tế, giữa chị T và anh L không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Qua đó cho thấy, hôn nhân giữa chị T và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Trúc L – sinh ngày: 28/11/2004 và Nguyễn Trần Tuấn L- sinh ngày 31/10/2015. Khi ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Tuấn Lvà đồng ý giao cháu Nguyễn Trần Trúc L cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nguyễn Trần Trúc L đang sống cùng anh L, cháu Nguyễn Trần Tuấn L hiện đang sống với chị T cuộc sống của hai cháu ổn định, sức khỏe bình thường, điều kiện sống của chị T, anh L đảm bảo thuận tiện cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Mặc khác, cháu Trúc L có nguyện vọng sống với anh L. Do đó, khi ly hôn giao cháu Nguyễn Trần Trúc L cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Trúc L và giao cháu Nguyễn Trần Tuấn L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trần Trúc L nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị Thủy không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, 51, 53; 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T.

Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Linh.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Trúc L – sinh ngày: 28/11/2004 cho anh Nguyễn Tuấn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Trần Tuấn L- sinh ngày 31/10/2015 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số №0007801 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Trần Thị Thanh T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Triệu Quốc Hiếu

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Quốc Hiếu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu